

Bản án số: 224/2022/HS-PT
Ngày 21 tháng 4 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 721/2020/TLPT-HS ngày 11 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo Hoàng Văn L; do có kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn L, kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị V và ông Hoàng Văn B, kháng cáo của Công ty Cổ phần R và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2020/HS-ST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Bị cáo kháng cáo và bị kháng nghị:

Hoàng Văn L, sinh ngày 06/6/1959 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Số 587 đường H, khu phố H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 10/10; Con ông: Hoàng Văn T (đã chết) và con bà: Lê Thị P, sinh năm 1930; Có vợ là bà Trần Thị H, sinh năm 1959 và có hai con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2015 cho đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lữ Văn Dũng (vắng mặt), Luật sư Phạm Thanh Tịnh - Văn phòng luật sư Phạm Thanh Tịnh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Số 32 Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội (có mặt).

Bị hại:

1. Ông Lam Yin C (Lâm Hồng H), sinh năm 1951; Quốc tịch: Úc (Australia); Địa chỉ: Unit 1009/22-24 J, Melbourne, Vic 3000, Úc (Australia); Email: yinclam@gmail.com (vắng mặt)

2. Ông Pak Ling L, sinh năm 1954; Quốc tịch: Úc (Australia); Địa chỉ: No 5,

M, Vic 3128, Úc (Australia); Email: Hypac101@gmail.com (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Pak Ling L: Bà Nguyễn Thị Châu H, sinh năm 1997; Địa chỉ: Xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận và ông Phạm Thế M, sinh năm 1958; Địa chỉ thường trú: 1887 đường P, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (*theo Giấy ủy quyền không số, ngày 28/8/2020 được Đại sứ quán Việt Nam tại Australia chứng nhận theo số 905, quyển số 01/2020-SCT/CK,CD*). Địa chỉ liên hệ của bà H và ông M: Số 32/1 đường T, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (bà H vắng mặt; ông M có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại ông Pak Ling L: Luật sư Phạm Thế Vinh và Luật sư Đoàn Thanh Tâm - Công ty Luật TNHH Sài Gòn Hoàng Gia, Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước; Địa chỉ: Số 32/1 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Bị đơn dân sự: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ R; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện Công ty theo chỉ định: Ông Phạm Trung H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 31C, ngõ T, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Trung H: Luật sư Ngô Quốc Chiến - Văn phòng Luật sư Quốc tế, Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước; Địa chỉ: 420 Quốc lộ 14, khu phố Phú Thanh, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo:

1. Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1974; Nơi đăng ký HKTT: Số nhà 89 đường H, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; Địa chỉ liên hệ: Nhà vợ Lê Thị C, Quốc lộ 13, khu phố C, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (có mặt).

2. Bà Phan Thị V, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số nhà 11 đường H, phường P, quận L, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

3. Ông Tạ Việt H, sinh năm 1966; Nơi đăng ký HKTT: Số 18/6 Đường C12, phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Công ty cổ phần Dịch vụ Thương mại R - Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2004, Hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp, thương mại và dịch vụ R (viết tắt là HTX R) được thành lập do ông Hoàng Văn B làm Chủ nhiệm, gồm có 11 thành viên, với ngành nghề kinh doanh là ươm, trồng cây công, nông, lâm nghiệp, chăn nuôi và kinh doanh nông sản, vật tư nông nghiệp, thương mại và dịch vụ khác. Trong quá trình hoạt động, ông Hoàng Văn B ký Tờ trình số 49/TTr-HTX ngày 19/8/2005 đề nghị Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Phước có công văn gửi Bộ Quốc phòng tạo điều kiện cho HTX R đầu tư mở văn phòng đại diện (VPĐD) trên lô đất do Nhà máy Z756 thuộc Bộ Tư lệnh (BTL) Công binh - Bộ Quốc phòng quản lý tại đường Cao Thắng (nối dài), Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) để làm VPĐD và nơi cho con em đồng bào tỉnh Bình

Phước tạm trú khi học tập và làm việc tại TPHCM. Sau khi UBND tỉnh Bình Phước có văn bản đề nghị, các cơ quan, đơn vị gồm: UBND TPHCM và các Sở, ban ngành của TPHCM, Nhà máy Z756 - BTL Công binh, Bộ Quốc phòng đã có các văn bản thể hiện sự đồng ý chủ trương giao 3500m² đất tại đường Cao Thắng (nổi dài) thuộc Phường 12, Quận 10, TPHCM do Nhà máy Z756 - BTL Công binh quản lý cho HTX R. Tuy nhiên, sau đó vì đất do Bộ Quốc phòng quản lý không được giao cho các đơn vị dân sự sử dụng, nên chủ trương giao đất cho HTX R xây dựng VPĐD không được thực hiện.

Ngày 31/7/2006, Hoàng Văn B làm Tờ trình đề nghị giải thể HTX R, đồng thời làm thủ tục xin thành lập Công ty cổ phần đầu tư 67 (Công ty 67). Ngày 24/01/2008, UBND huyện Bình Long (cũ) có Quyết định số 247/QĐ-UBND giải thể HTX R. Ngày 08/8/2006, Sở Kế hoạch và Đầu tư (KHĐT) tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Công ty 67 gồm các thành viên: Hoàng Văn B, Hoàng Thị Tám, Lê Xuân Lưu, với ngành nghề ương, trồng cây công, nông, lâm nghiệp, chăn nuôi và kinh doanh vật tư nông nghiệp, xăng dầu; mua bán và chế biến nông sản; xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, san lấp mặt bằng, vận chuyển hàng hóa... (BL 194, 339-342, 443, 1147, 1157, 1187, 1189).

Ngày 16/01/2009, Hoàng Văn L mua lại cổ phần của em trai là Hoàng Văn B tại Công ty 67 và giữ chức Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc. Ngày 24/8/2009, L làm thủ tục đổi tên Công ty 67 thành Công ty cổ phần Dịch vụ Thương mại R (Công ty R). Mặc dù việc xin đất xây VPĐD của HTX R đang trong quá trình làm hồ sơ thủ tục, chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt và sau đó HTX R đã giải thể, nhưng đến tháng 5/2010 Hoàng Văn L đã gặp và nói với Trần Ngọc (người Việt Nam, quốc tịch Úc) là Công ty R được quyền ưu tiên cấp 3500m² đất để xây dựng chung cư cao 30 tầng trong dự án tại Nhà máy Z756 - BTL Công binh. Đồng thời, L đưa các giấy tờ liên quan đến việc xin cấp 3500m² của HTX R; Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 14/8/2008 của UBND TPHCM quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu Nhà máy Z756 tại Phường 12, Quận 10 với quy mô là 73404m² và Bản đồ quy hoạch chi tiết 1/500 xây dựng khu Nhà máy Z756 cho Trần Ngọc để kêu gọi các đối tác đầu tư. Trần Ngọc đã đem các tài liệu do L đưa đến gặp Luật sư Phan Thông Anh - Giám đốc Công ty Luật hợp danh Việt Nam để nhờ tư vấn về tính khả thi của dự án. Luật sư Phan Thông Anh trả lời trực tiếp cho Trần Ngọc là: *“Dự án có thể được triển khai từ những cơ sở pháp lý ban đầu này và pháp lý triển khai chỉ được thực hiện khi có quyết định phê duyệt của UBND TPHCM”* (BL 254, 268, 275, 471-475, 1439, 1444, 1445, 1812-1815). Sau đó, Đỗ Lễ giới thiệu cho Trần Ngọc gặp các ông Pak Ling L và Lam Yin C (quốc tịch Úc) là những người đang muốn đầu tư vào Việt Nam. Trần Ngọc đưa toàn bộ các giấy tờ đã nhận từ L nêu trên cho ông Pak Ling L và ông Lam Yin C để giới thiệu và kêu gọi góp vốn đầu tư dự án.

Trong hai ngày 11 và 12/7/2020, theo chỉ đạo của L, Trần Ngọc đã đưa cho ông Pak Ling L và ông Lam Yin C đến gặp Hoàng Văn Sáu (em trai L), cấp bậc Thượng tá, chức vụ Trưởng Cơ quan đại diện Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam tại TPHCM và giới thiệu Hoàng Văn Sáu là cổ đông của Công ty R; đưa đi thăm Nhà máy Z756 tại Phường 12, Quận 10, TPHCM; đưa đến trụ sở Công ty R, xem nơi trồng cao su, trang trại chăn nuôi của công ty.

Đề ông Pak Ling L và ông Lam Yin C tin tưởng đồng ý chuyển tiền góp vốn đầu tư, Hoàng Văn L đã tự soạn thảo: Nghị quyết số 06/2010/NQ/ĐHCD ngày 05/8/2010 của Đại hội cổ đông Công ty R giao cho Trần Ngọc thay mặt Công ty lựa chọn đối tác đầu tư, ký kết hợp đồng liên quan và cùng với đối tác điều hành hoạt động của dự án với tư cách pháp lý là người có thẩm quyền của Công ty từ lúc khởi công xây dựng cho đến khi kết thúc dự án; Giấy ủy quyền ghi ngày 10/8/2010 cho Trần Ngọc được thay mặt Công ty R thực hiện toàn bộ các nội dung công việc có liên quan đến dự án.

Sau khi được ủy quyền, Trần Ngọc lấy các số liệu trong Quyết định số 3498/QĐ-UBND và Bản đồ quy hoạch chi tiết 1/500 xây dựng khu Nhà máy Z756 nêu trên đưa vào dự thảo hợp đồng rồi đưa cho Hoàng Văn L kiểm tra. Sau đó, Trần Ngọc chuyển cho Pak Ling L và ông Lam Yin C xem trước. Ngày 22/9/2010, tại khách sạn Winsor trên đường An Dương Vương, Quận 5, TPHCM, Pak Ling L và ông Lam Yin C (Bên B) ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/2010 với Công ty R do Trần Ngọc làm đại diện (Bên A) có nội dung: Dự án Z756 do BTL Công binh làm chủ dự án là đơn vị của Bộ Quốc phòng đã được UBND TPHCM phê duyệt với tổng diện tích là 7,34ha tại đường Cao Thắng (nối dài), Phường 12, Quận 10, TPHCM cho xây dựng 04 block chung cư cao 30 tầng trên tổng diện tích của dự án là 14800m², trong đó diện tích được xây dựng là 4800m². Bên A tuyên bố và cam kết với Bên B rằng Bên A sẽ ký kết được hợp đồng hợp tác kinh doanh với chủ dự án; liên hệ với các cơ quan chức năng để nhanh chóng hoàn thành thủ tục bàn giao đầy đủ các giấy tờ pháp lý của lô đất 3500m² (Dự án Z756) để xây dựng 02 block chung cư cao 30 tầng tại đường Cao Thắng (nối dài), Phường 12, Quận 10, TPHCM. Bên A sẽ sử dụng quyền sử dụng đất tại lô đất này để góp vốn với Bên B. Bên B sẽ chuyển cho Bên A số tiền 10 triệu đô la Mỹ tương đương 195 tỷ đồng. Trong đó, 07 triệu đô la Mỹ sẽ được sử dụng để làm các thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của lô đất này và chuyển quyền sử dụng đất vào Công ty liên doanh của Bên A và Bên B. Số tiền 03 triệu đô la Mỹ còn lại được sử dụng là vốn chung của liên doanh để phát triển dự án.

Sau đó, ông Pak Ling L và ông Lam Yin C về Úc thành lập Công ty AusViet Investment Pty. Ltd và chuyển số tiền 6.985.275 đô la Mỹ (Sáu triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm bảy mươi lăm đô la Mỹ) cho Hoàng Văn L để thực hiện Hợp đồng số 01/HĐHTKD/2010 đã ký. Từ ngày 21/9/2010 đến ngày 06/12/2011, ông Pak Ling L và ông Lam Yin C đã 16 lần chuyển tổng số tiền 6.500.000 đô la Mỹ (Sáu triệu năm trăm nghìn đô la Mỹ) vào tài khoản của Trần Ngọc mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng Việt Nam Thương Tín, Ngân hàng Eximbank; ngày 17/01/2012, chuyển vào tài khoản số 50110370024634 của Hoàng Văn L mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) Chi nhánh Thanh Hóa số tiền 485.275 đô la Mỹ (Bốn trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm bảy mươi lăm đô la Mỹ). Nhận được tiền qua tài khoản, Trần Ngọc đã rút hết chuyển cho L. Số tiền nhận được L đưa cho Trần Ngọc 200.000 đô la Mỹ (Hai trăm nghìn đô la Mỹ), còn lại L chiếm đoạt rồi sử dụng trả nợ các ông Hoàng Văn B 650 triệu đồng, Trịnh Hữu Hương 300 triệu đồng, Nguyễn Văn Hùng 400 triệu đồng, Đỗ Thanh Hải 200 triệu đồng, Lê Quang Tuyền 01 tỷ đồng, Lê Hùng Thắng 400 triệu đồng,

Phan Thị V 01 tỷ đồng và sử dụng cá nhân hết, đến nay vẫn không trả lại cho ông Pak Ling L và ông Lam Yin C.

Tại Công văn số 5244/NHNN-CSTT ngày 10/7/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định: Tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm chuyển số tiền 6.985.275 đô la Mỹ tương đương 141.005.847.700 đồng (Một trăm bốn mươi một tỷ không trăm lẻ năm triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn bảy trăm đồng) (BL 378-379, 403-447, 969-976a).

Quá trình điều tra Hoàng Văn L cho rằng không lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông Pak Ling L và ông Lam Yin C. Quá trình thực hiện, Công ty R đã ban hành: Công văn số 19/CV-CT ngày 15/11/2010; Công văn ngày 26/6/2012; 02 Công văn ngày 12/3/2013 để xin cấp 3500m² đất của Nhà máy Z756. Nhưng kết quả điều tra xác định các tài liệu L dùng để kêu gọi đầu tư không phải của Công ty R; kể từ sau khi ký hợp đồng để nhận tiền, L không làm bất cứ thủ tục gì liên quan đến việc xin cấp đất mà chiếm đoạt tiền của ông Pak Ling L và ông Lam Yin C, hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Hoàng Văn L được chứng minh bằng các chứng cứ sau:

Tại Công văn số 9275/SKHĐT-PTHT ngày 28/10/2013 của Sở KHĐT TPHCM có nội dung: Đến thời điểm hiện nay, HTX R không có liên hệ với Sở KHĐT TPHCM để làm thủ tục xin giao đất thuộc Dự án Z756 - BTL Công binh (BL 360).

Công văn số 7346/TNMT-QLSDD ngày 05/11/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường (TNMT) TPHCM trả lời: Sở TNMT TPHCM không biết thông tin về hoạt động của Công ty R, không tiếp nhận hồ sơ và không giải quyết giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) cho Công ty này tại khu đất Nhà máy Z756 (BL 361).

Công văn số 4072/SQHKT-TTR ngày 05/11/2013 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc TPHCM trả lời: Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty R chưa liên hệ Sở Quy hoạch - Kiến trúc để nộp hồ sơ (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở) đối với dự án đầu tư của Công ty, thuộc Dự án Z756 - BTL Công binh tại Phường 12, Quận 10, TPHCM (BL 363).

Công văn số 11135/STC-BVG ngày 07/11/2013 của Sở Tài chính TPHCM trả lời: Sở Tài chính không nhận được hồ sơ liên quan đến việc HTX R tỉnh Bình Phước xin giao đất tại Dự án Z756 - BTL Công binh tại đường Cao Thắng nối dài, Phường 12, Quận 10 (BL 364).

Công văn số 08/UBND-NC ngày 26/2/2014 của UBND tỉnh Bình Phước có, nội dung xác định: Theo hồ sơ đăng ký và thực tế tình hình hoạt động thì HTX R và Công ty R (trước đây là Công ty cổ phần 67) là hai đơn vị tổ chức kinh tế hoàn toàn độc lập. UBND tỉnh Bình Phước chịu mọi chi phí giải tỏa, đền bù đóng tiền sử dụng đất và các loại thuế, phí, lệ phí có liên quan để được giao đất và chỉ sau khi được cấp giấy chứng nhận QSDĐ tỉnh Bình Phước mới chính thức quyết định các bước đầu tư xây dựng dự án theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật và khả năng của tỉnh. Sau khi UBND tỉnh Bình Phước chính thức quyết định các bước đầu tư xây dựng, tỉnh mới giao cho HTX R tiếp tục liên hệ UBND TPHCM để hoàn tất các thủ tục xây dựng dự án theo quyết định của tỉnh Bình Phước.

Khi được giao khu đất Dự án Z756 - BTL Công binh thì UBND tỉnh Bình Phước là tổ chức được quyền sử dụng khu đất đó, Hợp tác xã R chỉ là đơn vị đại diện để hoàn tất thủ tục giao đất, xây dựng theo chủ trương, quyết định của UBND tỉnh Bình Phước chọn nhằm thực hiện dự án với mục đích là làm VPĐD của HTX đồng thời là nhà nghỉ cho cán bộ, con em đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh Bình Phước khi học tập, công tác tại TPHCM (BL 171-175).

Công văn số 11276/SXD-VP ngày 06/9/2019 của Sở Xây dựng TPHCM trả lời: Đầu tư dự án phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản công nhận chủ đầu tư và chấp thuận đầu tư dự án tại lô đất có diện tích 3500m² đất thuộc Dự án Z756- BTL Công binh tại đường Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, TPHCM. Từ năm 2006 đến năm 2011, Sở Xây dựng chưa nhận được hồ sơ phê duyệt dự án 02 block chung cư trên lô đất trên của Công ty R.

Công văn số 2987/BTL-BTM ngày 02/7/2019 của BTL Công binh trả lời: Từ năm 2006 đến nay, BTL Công binh không có chủ trương hay thỏa thuận cam kết gì về việc giao đất, cho thuê, đấu giá QSDĐ hoặc hợp tác đầu tư liên quan đến diện tích đất của Nhà máy Z756 thuộc Phường 12, Quận 10, TPHCM với Công ty R, Công ty 67 hoặc HTX R.

Công văn số 6693/BQP-VP ngày 26/6/2019 của Bộ Quốc phòng trả lời: Từ năm 2010 đến nay cơ quan văn thư, lưu trữ của Văn phòng Bộ Quốc phòng không nhận được Công văn số 19/CV-CT ngày 15/11/2010; Công văn ngày 26/6/2012; 02 Công văn ngày 12/3/2013 của Công ty R liên quan đến việc xin cấp 3500m² đất của Nhà máy Z756.

Về khu đất 3500m² có chủ trương giao cho HTX R, ngày 17/10/2011 Nhà máy Z756- BTL Công binh (Công ty TNHH MTV 756) ký hợp đồng với Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Đức Bình xây dựng khu cao ốc văn phòng - căn hộ và trung tâm thương mại dịch vụ cao cấp. Tiếp đó, ngày 25/11/2011 ký hợp đồng với Công ty cổ phần đầu tư Việt Nam để xây dựng 01 tòa nhà văn phòng cho thuê, trung tâm đào tạo giảng dạy cao cấp 07 tầng. Như vậy, 3500m² đất do Nhà máy Z756- BTL Công binh quản lý chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản công nhận chủ đầu tư và chấp thuận đầu tư dự án cho HTX R (BL 149-163, 171-175, 360, 361, 364, 3193, 3194, 3212, 3213, 3219).

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra xác định sau khi Hoàng Văn L chiếm đoạt của ông Pak Ling L và ông Lam Yin C số tiền 6.895.275 đô la Mỹ tương đương với 141.005.847.700 đồng, L đưa cho Trần Ngọc 200.000 đô la Mỹ, trả nợ cho 09 người với tổng số tiền 4.850.000.000 đồng. Vì vậy, buộc Hoàng Văn L và những người có liên quan phải hoàn trả lại cho ông Lee và ông Choi theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Bộ Công an (C02) đã thu giữ:

- 01 (một) xe ô tô Toyota, nhãn hiệu Fortuner, biển kiểm soát 36A-086.49;
- 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô số 0159939 mang tên Hoàng Văn L;
- 01 (một) giấy kiểm định ô tô số 1591614;
- 01 (một) chứng minh thư nhân dân mang tên Hoàng Văn L;

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung, màu hồng;
- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung, màu đen;
- 01 (một) dấu hình tròn mang tên Công ty cổ phần Dịch vụ Thương mại R.

Ngày 22/6/2016, đã chuyển bàn giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước để xử lý theo vụ án.

Quá trình xét xử vụ án của Tòa án các cấp:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2018/HS-ST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Bình Phước quyết định tuyên bố bị cáo Hoàng Văn L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 2 Điều 51, Điều 39 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L hình phạt tù chung thân; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường số tiền 7.000.000 đô la Mỹ cho các bị hại, được quy đổi thành Việt Nam đồng tại thời điểm xảy ra tội phạm; buộc 09 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoàn trả cho các bị hại số tiền 4.850.000.000 đồng mà bị cáo đã chuyển khoản. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Kiến nghị TAND cấp cao tại TPHCM hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại do có dấu hiệu bỏ lọt đồng phạm đối với Hoàng Văn Sáu, Hoàng Văn B, Trần Ngọc, Đỗ Lễ.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 68/2019/HS-PT ngày 27/02/2019 của TAND cấp cao tại TPHCM đã hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 16/2018/HS-ST ngày 11/5/2018 của TAND tỉnh Bình Phước, giao hồ sơ lại cho Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tối cao để điều tra, xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết thúc quá trình điều tra lại, ngày 07/01/2020 VKSND tối cao ra bản Cáo trạng số 12/CT-VKSTC-V2 truy tố bị cáo Hoàng Văn L về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Đồng thời, VKSND tối cao phân công VKSND tỉnh Bình Phước thực hành quyền công tố tại phiên tòa.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2020/HS-ST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn L phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 39, Điều 50 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L mức án tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 09 tháng 01 năm 2015.

2. Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý hành vi của Hoàng Văn Sáu, Hoàng Văn B, Trần Ngọc, Đỗ Lễ theo quy định của pháp luật

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/11/2020 bị cáo Hoàng Văn L kháng cáo kêu oan; ông Hoàng Văn B kháng cáo phần trách nhiệm dân sự, không đồng ý chịu trách nhiệm trả số tiền 650.000.000 đồng; bà Phan Thị V kháng cáo không đồng ý chịu trách nhiệm trả số tiền 1 tỷ đồng; Công ty Cổ phần R kháng cáo không chịu trách nhiệm liên đới cùng bị cáo bồi thường cho bị hại và yêu cầu trả con dấu cho Công ty; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKN-VKS ngày 13/11/2020 kháng nghị phần trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm, cho rằng bản án quyết định buộc bị cáo liên đới với Công ty chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại là không đúng, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền cho bị hại.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKN-VKS ngày 13/11/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước; phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Tại phiên tòa, bị cáo L đã thừa nhận cả hai dự án 3.500m² và 7,3ha của Công ty Z756 không được giao cho Công ty R nên Công ty R không phải là chủ dự án. Bằng hành vi thủ đoạn gian dối, có căn cứ thể hiện bị cáo L đã chiếm đoạt của bị hại số tiền 6.985.275USD, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo L về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng tội, không oan sai và đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ xử phạt bị cáo mức án tù chung thân là đã chiều cố cho bị cáo. Công ty R kháng cáo không chấp nhận liên đới bồi thường cho bị hại là không phù hợp vì bị cáo L nhân danh Công ty và dùng con dấu, tài liệu của Công ty để chiếm đoạt tài sản, nên Công ty phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường. Kháng cáo của ông B và bà V là không có căn cứ vì bị cáo L đã chuyển tiền vào tài khoản của ông B, bà V; nay ông B và bà V cho rằng đã chuyển tiền trả cho bị cáo L nhưng không cung cấp được chứng cứ nên không có căn cứ để xem xét. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo L trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm điểm g khoản 2 Điều 16, Điều 16, điểm a khoản 1 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Do phiên tòa ngày 10/9/2020, phía bị hại có đơn xin hoãn phiên tòa; phiên tòa ngày 29/9/2020 luật sư Dũng xin hoãn phiên Tòa do bị Covid - 19; phiên tòa ngày 23/10/2020 luật sư Tịnh trùng lịch phải bào chữa cho Trịnh Tiến Đông phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, còn Luật sư Dũng bị Covid - 19 chưa hồi phục sức khỏe nên xin hoãn phiên Tòa; tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt các luật sư là vi phạm đặc biệt nghiêm trọng tố tụng. Thứ hai, bị cáo L kháng cáo kêu oan là có căn cứ, vì thực chất đây là quan hệ đôi đất, UBND tỉnh Bình Phước giao 100ha đất tại Đồng Phú để Bộ quốc phòng chuyển nhà máy Z756 về đó, đổi lại, Bộ quốc phòng sẽ giao 3.500m² tại Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cho UBND tỉnh Bình Phước, giao cho Công ty R xây dựng Văn phòng đại diện, việc này đã được sự đồng ý của các Cơ quan liên quan. Công ty R đã ủy quyền cho Trần Ngọc ký Hợp đồng với đối tác, hai bên đồng ý hợp tác đầu tư vào dự án Z756, bên đối tác đầu tư 10 triệu USD vào dự án, Công ty được toàn quyền sử dụng. Trước tiên, chuyển 7 triệu USD để hoàn tất thủ tục xin cấp đất, sau chuyển 3 triệu USD để tiến hành xây dựng; nếu dự án không thành thì

bên Công ty có trách nhiệm hoàn trả cho đối tác số tiền đã đầu tư, nếu không hòa giải, giải quyết được thì đưa ra giải quyết tranh chấp tại Tòa án có thẩm quyền. Do Bộ quốc phòng không giao đủ đất; sau đó tình hình thay đổi không thể giao trả cho UBND tỉnh Bình Phước 3.500m² đất tại dự án Z756, nên đối tác đã tố cáo L; đây là quan hệ kinh tế hai bên chưa thỏa thuận giải quyết nhưng cơ quan tiến hành tố tụng khởi tố, truy tố và xét xử đối với L là oan sai. Bản án phúc thẩm số 68/HS-PT ngày 27/2/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án sơ thẩm để điều tra làm rõ vai trò của Trần Ngọc trong vụ án; làm rõ L giao số tiền 7 triệu USD cho Công ty R chi tiêu thông qua kế toán có hóa đơn chứng từ; tài sản của L trong Công ty R. Ngoài ra, cần phải làm rõ trách nhiệm của Bộ quốc phòng trong vụ án, tại sao không giao đất cho UBND tỉnh Bình Phước. Đến nay, cấp sơ thẩm chưa điều tra thu thập đầy đủ nhưng đã đưa vụ án ra xét xử, do đó, luật sư đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại vụ án cho đúng pháp luật.

Bị cáo L trình bày bổ sung: Hợp tác xã R, Công ty 67, Công ty R đều là một, Dự án mà bị cáo hợp tác là có thật, bị cáo không tự đặt ra. Công ty R đã hỗ trợ giúp đỡ Bộ quốc phòng nhiều khoản tiền để làm từ thiện nên không có việc bị cáo lừa để chiếm đoạt tiền của bị hại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty R trình bày: Công ty vẫn giữ nguyên kháng cáo, hành vi của bị cáo đối với bị hại không liên quan đến Công ty R nên Công ty không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại; khi sang lại cổ phần không thể hiện số nợ này, bị cáo không đưa số tiền chiếm đoạt của bị hại vào Công ty, nên Công ty không chịu trách nhiệm; con dấu của Công ty đề nghị trả lại để Công ty hoạt động.

Ông Hoàng Văn B cho rằng số tiền 650.000.000 đồng bị cáo L chuyển cho ông để nhờ trả nợ cho Chiến, sau đó đã rút ra và thực hiện xong nên không còn liên quan; ông B cũng không chiếm giữ số tiền này do đó buộc ông chịu trách nhiệm là không đúng.

Bị cáo có lời nói sau cùng cho rằng bị cáo không lừa đảo và không chiếm đoạt tiền của bị hại, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Đơn kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn L, Công ty Cổ phần R, ông Hoàng Văn B, bà Phan Thị V, Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKN-VKS ngày 13/11/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đúng luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKN-VKS ngày 13/11/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước; Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Luật sư bào chữa cho bị cáo L cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” có mức hình phạt tù chung thân, nhưng không có luật sư tham gia bào chữa cho bị cáo là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 16, điểm a khoản 1 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa vụ án ra xét xử 3 lần vào các ngày 10/9/2020, ngày 29/9/2020 và ngày 23/10/2020; tại phiên tòa ngày 10/9/2020 luật sư Tịnh và Dũng vắng mặt, phiên tòa ngày 29/9/2020 và ngày 23/10/2020 luật sư Dũng cho rằng bị Covid -19 và chưa hồi phục sức khỏe xin hoãn phiên tòa, còn luật sư Tịnh vắng mặt và cho rằng trùng lịch phải bào chữa cho Trịnh Tiến Đông trong vụ án mua bán trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, cả hai luật sư đều không cung cấp tài liệu kèm theo để chứng minh cho lời trình bày; đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm đã chỉ định luật sư Vương Quốc Quỳnh, Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước bào chữa cho bị cáo L theo quy định tại Điều 79 Bộ luật tố tụng hình sự. Song, bị cáo L từ chối đề luật sư Quỳnh bào chữa và yêu cầu tự bào chữa. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng như lời trình bày của luật sư bào chữa cho bị cáo L.

[3]. Xét đơn kháng cáo kêu oan của bị cáo L:

[3.1]. Theo tài liệu Cơ quan điều tra đã thu thập đã thể hiện: Hợp tác xã R được thành lập năm 2004, gồm 11 thành viên; trong đó Hoàng Văn B làm Chủ nhiệm. Đến ngày 08/8/2006, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Công ty 67, gồm có 3 cổ đông là Hoàng Văn B, Hoàng Thị Tám, Lê Xuân Lưu; trong đó Hoàng Văn B làm tổng giám đốc Công ty 67. Đến ngày 24/01/2008, UBND huyện Bình Long (cũ), tỉnh Bình Phước đã có Quyết định số 247/QĐ-UBND về việc giải thể HTX R. Do đó, về mặt pháp lý HTX R không còn tồn tại sau ngày 24/01/2008.

[3.2]. Các tài liệu, văn bản của UBND tỉnh Bình Phước gửi cho Bộ quốc phòng, Bộ tổng tham mưu, Bộ tư lệnh Công binh, ...UBND Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến việc xin giao 3.500m² đất tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh do nhà máy Z756-BTL Công binh quản lý, sử dụng nhằm để UBND tỉnh Bình Phước giao cho HTX R thực hiện chủ trương xây dựng trụ sở của HTX R và nơi lưu trú của cán bộ tỉnh Bình Phước đi công tác, nơi ăn ở học tập của con em dân tộc tỉnh Bình Phước từ năm 2005 cho đến ngày HTX R giải thể là ngày 24/01/2008, có nội dung liên quan đến HTX R, không còn giá trị pháp lý, không phát sinh hiệu lực pháp luật.

[3.3]. Về phía Bộ quốc phòng: Công văn số 1070/QP ngày 10/3/2006 của Bộ QP và Báo cáo số 274/BC-KT ngày 27/4/2006 của Nhà máy Z756 - BTL Công binh có bút phê của đồng chí Bộ trưởng Bộ quốc phòng về việc đồng ý giao cho UBND tỉnh Bình Phước 3.500m² đất, nhưng sau đó tại Công văn số 4423/VP-BĐ ngày 27/8/2008 của Văn phòng Bộ quốc phòng về việc “Thông báo ý kiến của Bộ trưởng chuyển Ban quản lý dự án 45 về trực thuộc TCKT và giao Chủ đầu tư các dự án Z751, Z756” có nội dung giao Cục Kế hoạch và Đầu tư Bộ Quốc phòng nghiên cứu, dự thảo các Quyết định của Bộ sau đây: “... 3. *Giao Binh chủng Công Binh làm Chủ đầu tư dự án di chuyển Nhà máy Z756 và thực hiện việc đấu giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của Nhà máy Z756 tại Thành phố Hồ Chí Minh, lấy kinh phí xây dựng mới nhà máy Z756 ở vị trí Long Bình*”. Như vậy, từ

ngày 27/8/2008 Bộ quốc phòng đã có quyết định quy hoạch lại đất của dự án Z756, đồng thời chỉ đạo đầu giá chuyển nhượng QSDĐ và tài sản trên đất của Nhà máy Z756 mà không phải là giao đất cho UBND tỉnh Bình Phước như những văn bản trước đó.

[3.4]. Dù chủ trương của UBND tỉnh Bình Phước xin giao 3.500m² đất đã không được chấp nhận, nhưng bị cáo L vẫn cung cấp các Văn bản có liên quan nội dung trên, cùng Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 14/8/2008 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, về quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu Nhà máy Z756 tại Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh với quy mô là 73.404m² và Bản đồ quy hoạch chi tiết 1/500 xây dựng khu Nhà máy Z756 đưa cho Trần Ngọc để làm cơ sở cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật cho bị hại. Đặc biệt bị cáo L đã sắp xếp để Trần Ngọc, Đỗ Lễ đưa các bị hại gặp Hoàng Văn Sáu (là em ruột của bị cáo; cấp bậc Thượng tá; chức vụ Trưởng bộ phận đại diện Bộ TTM phía Nam), Hoàng Văn B (là em ruột của bị cáo); đưa đến trụ sở Công ty R tại tỉnh Bình Phước; dẫn các bị hại đến địa điểm khu đất thuộc nhà máy Z756 tại số 200 Cao Thắng, Phường 12, Quận 10 (địa điểm này không phải địa điểm của vị trí khu đất 3.500m² tại đường Cao Thắng nổi dài mà UBND tỉnh Bình Phước xin giao) để chỉ vị trí xây dựng 04 block chung cư và cam kết sẽ nhận và xây dựng 02 block chung cư cao 30 tầng để kinh doanh là trái với chủ trương của UBND tỉnh Bình Phước. Do tin tưởng, các bị hại đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/2010 ngày 22/9/2010, sau đó chuyển qua tài khoản Ngân hàng cho Trần Ngọc và Hoàng Văn L tổng số tiền 6.985.275 USD. Như vậy, hành vi của bị cáo L và Trần Ngọc đã hoàn thành tại thời điểm bị hại ông Lam Yin C và ông Pak Ling L chuyển 6.985.275 USD vào tài khoản Ngân hàng của Trần Ngọc. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng tội, không oan, sai.

[3.5]. Bị cáo L và luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo không có hành vi lừa đảo và không chiếm đoạt tiền của bị hại là không có căn cứ. Bởi lẽ, theo lời khai của bị cáo L, L đã cho Trần Ngọc hưởng lợi 200.000USD, số tiền còn lại bị cáo giao nộp cho kế toán Công ty R nhưng không có chứng từ và tại Bảng báo cáo tài chính hàng năm của Công ty R do bị cáo làm Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Công ty R cũng không thể hiện khoản tiền này; đến nay bị cáo L cũng chưa bồi thường số tiền trên cho bị hại. Vì vậy, luật sư cho rằng chưa điều tra làm rõ số tiền bị cáo L chiếm đoạt để yêu cầu hủy án sơ thẩm là không phù hợp.

[4]. Công ty R kháng cáo không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại cho rằng khi sang lại cổ phần, các biên bản bàn giao không thể hiện số nợ này, bị cáo L không đưa số tiền chiếm đoạt của bị hại vào Công ty, nên Công ty không chịu trách nhiệm. Trước khi ký kết Hợp đồng về hợp tác với các bị hại, bị cáo L đã tổ chức để Trần Ngọc, Đỗ Lễ đưa các bị hại gặp Hoàng Văn Sáu (là cổ đông 65%); ông Pak Ling L và ông Lam Yin C xác nhận đã gặp Hoàng Văn Sáu, để trao đổi hợp tác đầu tư. Bị cáo Hoàng Văn L khai trước khi lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 05/8/2010, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 05/8/2010 và Giấy ủy quyền ngày 10/8/2010 giao cho Trần Ngọc thay mặt Công ty R tìm kiếm, lựa chọn đối tác đầu tư, ký kết hợp đồng, thực hiện toàn bộ các nội dung công việc có liên quan đến dự án, ông Lam Yin C và ông Pak Ling L đã trao đổi qua điện thoại

với các cổ đông Công ty là Hoàng Văn Sáu, Nguyễn Văn Tân biết và thống nhất về mặt chủ trương và đồng ý (BL 1459-1460, 1465-1468, 3421-3424). Hơn nữa, nội dung Giấy ủy quyền ngày 10/8/2010 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/2010 ngày 22/9/2010 đều thể hiện thực hiện ủy quyền, hợp tác thực hiện dự án với Công ty R. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo L liên đới cùng Công ty R bồi thường thiệt hại cho các bị hại là có căn cứ. Đối với cổ đông nhận chuyển nhượng sau khi vụ án xảy ra, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác theo thủ tục tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu giao trả con dấu của Công ty R, theo quy định tại Điều 106, Điều 128 Bộ luật Tố tụng hình sự thì con dấu của Công ty không phải là tài sản phải kê biên và cũng không phải là vật chứng của vụ án nên Công ty R yêu cầu hoàn trả con dấu là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm tạm giao con dấu của Công ty R cho cơ quan đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước tạm quản lý là không cần thiết, bởi lẽ việc quản lý và lưu giữ con dấu của Công ty được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Doanh nghiệp 2020, khi giao trả con dấu cho Công ty thì cơ quan chức năng có trách nhiệm xác định đúng đối tượng để giao trả theo quy định.

[5]. Đối với số tiền bị cáo L chiếm đoạt của bị hại, bị cáo đã chuyển vào tài khoản của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; trong đó có ông Hoàng Văn B 650.000.000 đồng, bà Phan Thị V 1.000.000.000 đồng. Xét thấy Cơ quan điều tra đã chứng minh được nguồn tiền bị cáo L chuyển vào tài khoản của ông B và bà V là do bị cáo L chiếm đoạt của bị hại, Tòa án cấp sơ thẩm buộc trả lại cho bị hại là có căn cứ. Ông B và bà V kháng cáo cho rằng đã chuyển trả nợ cho bị cáo L, cho Công ty R, nhưng không cung cấp được tài liệu để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[6]. Đối với Trần Ngọc, Đỗ Lễ, Hoàng Văn Sáu và Hoàng Văn B, Tòa án cấp phúc thẩm đã hủy án sơ thẩm để điều tra xử lý theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra đã tách ra để điều tra, xử lý sau nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[7]. Về trách nhiệm dân sự, bị hại không kháng cáo nhưng luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị hại gửi bản trình bày quan điểm, yêu cầu xem xét lại là không phù hợp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[8]. Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp nên được chấp nhận; không chấp nhận lời bào chữa của luật sư và của bị cáo L; không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo L, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông B và bà V, chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty R đối với yêu cầu giao trả con dấu; sửa một phần bản án sơ thẩm. Người kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm, Công ty R không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đình chỉ xét xử đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKN-VKS ngày 13/11/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

I. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn L, kháng cáo của ông Hoàng Văn B và bà Phan Thị V; chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty cổ phần Dịch vụ Thương mại R; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2020/HS-ST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn L phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 39, Điều 50 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn L mức án tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Hoàng Văn L bị tạm giữ, tạm giam là ngày 09 tháng 01 năm 2015. Tiếp tục tạm giam bị cáo Hoàng Văn L 45 ngày để bảo đảm thi hành án.

2. Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý hành vi của Hoàng Văn Sáu, Hoàng Văn B, Trần Ngọc, Đỗ Lễ theo quy định của pháp luật.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 288, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

3.1. Buộc bị cáo Hoàng Văn L và Công ty cổ phần Dịch vụ Thương mại R phải liên đới bồi thường cho các ông Lam Yin C (Lâm Hồng H), ông Pak Ling L mỗi người với số tiền là: $[141.005.847.700 \text{ đồng} - 4.750.000.000 \text{ đồng} (\text{số tiền mà 09 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải hoàn trả})]/2 = 68.127.923.850 \text{ đồng}$ (Sáu mươi tám tỷ một trăm hai mươi bảy triệu chín trăm hai mươi ba ngàn tám trăm năm mươi đồng). Trong đó:

Bị cáo Hoàng Văn L phải bồi thường cho ông Lam Yin C (Lâm Hồng H), ông Pak Ling L mỗi người là 17.031.980.963 đồng (Mười bảy tỷ không trăm ba mươi một triệu chín trăm tám mươi ngàn chín trăm sáu mươi ba đồng);

Công ty cổ phần Dịch vụ Thương mại R phải bồi thường cho ông Lam Yin C (Lâm Hồng H), ông Pak Ling L mỗi người là 51.095.942.887 đồng (Năm mươi một tỷ không trăm chín mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn tám trăm tám mươi bảy đồng).

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tiếp tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với tài sản của Công ty cổ phần Dịch vụ Thương mại R để đảm bảo thi hành án.

3.2. Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoàn trả lại số tiền 4.750.000.000 đồng (Bốn tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng) đã nhận từ bị cáo Hoàng Văn L cho các bị hại, cụ thể như sau:

Ông Hoàng Văn B hoàn trả 650.000.000 đồng, trong đó hoàn trả cho ông Lam Yin C (Lâm Hồng H) số tiền 325.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng) và hoàn trả cho ông Pak Ling L số tiền 325.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng);

Bà Phan Thị V hoàn trả 1.000.000.000 đồng, trong đó hoàn trả cho ông Lam Yin C (Lâm Hồng H) số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và hoàn trả cho ông Pak Ling L số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106, Điều 128 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Giao trả 01 (một) mộc dấu của Công ty cổ phần Dịch vụ Thương mại R cho Công ty cổ phần Dịch vụ Thương mại R.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

II. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Hoàng Văn L phải chịu 200.000 đồng. Ông Hoàng Văn B phải chịu 300.000 đồng; bà Phan Thị V phải chịu 300.000 đồng; Công ty cổ phần Dịch vụ Thương mại R không phải chịu.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- CA tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Phước (TĐ cho bc);
- Đương sự;
- Lưu VT (6) HS (1).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

